

Số: 390 /ĐL - MDN

Đồng Nai, ngày 02 tháng 4 năm 2012

ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY MAY ĐỒNG NAI

CĂN CỨ:

- Luật Doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 29 tháng 6 năm 2006; Luật sửa đổi bổ sung Luật Chứng khoán ngày 24/11/2010 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Quyết định số 640/QĐ-TTg, ngày 25 tháng 5 năm 2001, của Thủ tướng Chính phủ V/v. Phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty May Đồng Nai thành Công ty cổ phần May Đồng Nai;
- Điều lệ Công ty cổ phần May Đồng Nai đã được Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty cổ phần May Đồng Nai thông qua ngày 13 tháng 8 năm 2001 và Điều lệ sửa đổi, bổ sung ngày 16/6/2007;
- Quyết định số 278/QĐ-ĐHCD ngày 29/6/2010 về việc đổi tên Công ty CP May Đồng Nai thành Công ty CP Tổng Công ty May Đồng Nai;



Chúng tôi những đại biểu cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông nhiệm kỳ III (2012-2016) Công ty cổ phần Tổng Công ty May Đồng Nai, trên cơ sở kế thừa Điều lệ của Công ty được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thành lập ngày 13/8/2001, sửa đổi bổ sung ngày 16/6/2007, đã thảo luận và thống nhất thông qua Điều lệ sửa đổi, bổ sung của Công ty cổ phần Tổng Công ty May Đồng Nai (Sau đây viết tắt là: "CTCP Tổng Công ty May Đồng Nai"-trong giao dịch của Công ty, gọi tắt là "Tổng Công ty"), đồng thời cùng cam kết thực hiện đúng những qui định trong bản Điều lệ này.

Luật Doanh nghiệp cùng các văn bản hướng dẫn thi hành và Điều lệ này là cơ sở pháp lý cho toàn bộ hoạt động của CTCP Tổng Công ty May Đồng Nai. Điều lệ này điều chỉnh mọi quan hệ giữa CTCP Tổng Công ty May Đồng Nai với cổ đông và giữa cổ đông của Công ty với nhau, ngoài những gì mà luật pháp đã điều chỉnh.

Điều lệ CTCP Tổng Công ty May Đồng Nai gồm các nội dung như sau:

* Ghi chú:

Phần chữ in nghiêng màu xanh dương (đối với bản in màu) là phần được sửa đổi, bổ sung lần thứ 1 đã thông qua tại ĐHDCĐ ngày 16/6/2007.

Phần chữ in nghiêng màu xanh lá cây (đối với bản in màu) là phần được sửa đổi, bổ sung lần thứ 2 đã thông qua tại ĐHDCĐ ngày 02/4/2012.

Chữ ký các TV.HĐQT (CB. Sáng lập)

 Ông. Bùi Thế Kích
  Ông. Vũ Đức Dũng
  Ông. Vũ Đình Hải
  Ông. Vũ Việt Hà
  Ông. Ng. Th. Hoài

Điều 1: TÊN CÔNG TY VÀ HÌNH THỨC

1. Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY MAY ĐỒNG NAI**

- Tên giao dịch đối ngoại (bằng tiếng Anh): **DONG NAI GARMENT CORPORATION**

- Tên giao dịch đối ngoại viết tắt: **DONAGAMEX**

2. Biểu tượng Công ty:



3. Hình thức: CTCP Tổng Công ty May Đồng Nai là doanh nghiệp được thành lập dưới hình thức chuyển từ Doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty cổ phần, được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp do Quốc hội của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa X kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 12 tháng 6 năm 1999 và tiếp tục hoạt động theo Luật doanh nghiệp do Quốc hội của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005 cũng như các văn bản luật ra đời sau đó điều chỉnh hoạt động của doanh nghiệp.

Điều 2: TRỤ SỞ CÔNG TY

1. Trụ sở chính của Công ty hiện nay đặt tại: Đường số 2, Khu Công nghiệp Biên Hòa 1 - Phường An Bình - Tp. Biên Hòa - T. Đồng Nai.

Điện thoại : (061) 3836151 / 3836271

Fax : (061) 3836141

E-mail : donagamex@hcm.vnn.vn

Website : www.donagamex.com.vn

2. Hiện tại, Công ty có văn phòng chi nhánh đặt tại:

- Lầu 7 Tòa nhà Vinatex-Tài Nguyên, Số 10 Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại : (08) 38239753 - 38239754

Fax : (08) 38241277

E-mail : donagamexhcm@hcm.vnn.vn

- Lầu 8 - Tòa nhà Vinatex, số: 25 - Bà Triệu - Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội

Điện thoại : (04) 9361174


Fax : (04) 9361174

3. Hiện tại, Công ty có các địa điểm kinh doanh - là các đơn vị hạch toán phụ thuộc như sau:


- Khu A (gồm các Xi nghiệp May 1,2,3). Địa chỉ: Đường số 2, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Tp. Biên Hòa, T. Đồng Nai (Cùng trụ sở chính).


- Khu B (gồm các Xi nghiệp May 5,6,7). Địa chỉ: Đường Nguyễn Ái Quốc (Quốc lộ 1 cũ), KPI, P. Trảng Dài, Tp. Biên Hòa, T. Đồng Nai. Điện thoại: 061. 6899168- 62916 1, Fax: 061. 6999211.

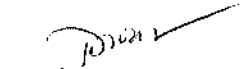
Chữ ký các TV, HĐQT (CB. Sáng lập)


Ông. Bùi Thế Kích


Ông. Vũ Đức Dũng


Ông. Vũ Đình Hải


Ông. Vũ Việt Hà


Ông. Ng. Th. Hoài

- Khu D (Công ty Máy Định Quán - gồm các Xi nghiệp may Đồng Phú, Đồng Lợi). Địa chỉ: Km 116, Quốc lộ 20, X. Phú Lợi, H. Định Quán, T. Đồng Nai. Điện thoại: 061. 3615770, Fax: 061. 3615772.
- Công ty Đồng Xuân Lộc. Địa chỉ: Ấp 3, xã Xuân Hưng, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. Điện thoại: 061. 8605525, Fax: 061. 3757562.
- Công ty Đồng Xuân Khánh. Địa chỉ: Ấp Nông Doanh, xã Xuân Định, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. Điện thoại: 061. 8616638, Fax: 061. 3722217.

Điều 3: TƯ CÁCH PHÁP NHÂN

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY MAY ĐỒNG NAI

- Có tư cách pháp nhân đầy đủ theo qui định của pháp luật Việt Nam;
- Có con dấu riêng, độc lập về tài sản, được mở tài khoản tại kho bạc Nhà nước, các ngân hàng trong và ngoài nước theo qui định của pháp luật;
- Có Điều lệ Công ty;
- Chịu trách nhiệm tài chính hữu hạn đối với các khoản nợ trong phạm vi vốn điều lệ;
- Tự chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh, được hạch toán độc lập và tự chủ về tài chính;
- Có bảng cân đối kế toán riêng, được lập các quỹ theo qui định của Luật doanh nghiệp và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 4: MỤC TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Mục tiêu:

Công ty được thành lập để phát triển ngành may mặc và các lĩnh vực khác, thực hiện tốt các mục tiêu kinh tế xã hội, tạo việc làm ổn định cho người lao động, tăng cổ tức cho các cổ đông, đóng góp tích cực vào ngân sách Nhà nước và không ngừng phát triển Công ty.

2. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty:

TT	Tên Ngành	Mã ngành
1	Sản xuất hàng may sẵn (trực trang phục)	1322
2	Bán buôn tổng hợp	4690
3	Bán buôn gạo	4631
4	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Chi tiết: Kinh doanh nhà. Cho thuê nhà, xưởng, kho bãi, nhà ở. Đầu tư, xây dựng cơ sở hạ tầng khu công nghiệp và đô thị. Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
5	Bán buôn thực phẩm	4632
6	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác: chi tiết: bán buôn máy móc thiết bị phụ tùng ngành dệt may; nguyên liệu, máy móc, thiết bị, phụ tùng sản xuất vải không dệt; máy móc thiết bị y tế; máy móc thiết bị phụ tùng ngành m.	4659
7	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất: chi tiết: Môi giới bất động sản	6820
8	Xây dựng nhà các loại	4100
9	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: chi tiết: xây dựng công trình công nghiệp, thủy lợi	4290

Chữ ký các TV, HĐQT (CD. Sáng lập)

 Ô. Bùi Thế Kích
  Ô. Vũ Đức Dũng
  Ô. Vũ Đình Hải
  Ô. Vũ Việt Hà
  Ô. Ng. Th. Hoài

10	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày: chi tiết: Kinh doanh khách sạn, nhà nghỉ (không kinh doanh tại trụ sở).	5510
11	Máy trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
12	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép: chi tiết: bán buôn hàng may mặc, vải không dệt (vải dụng), các sản phẩm của ngành dệt may.	4641
13	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình: chi tiết: bán buôn văn phòng phẩm	4649
14	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu: chi tiết: bán buôn giấy, vớ, bìa carton, bao bì nhựa, bao bì giấy, nguyên liệu sản xuất giấy và sản xuất bao bì giấy, hạt nhựa và nguyên liệu sản xuất bao bì nhựa	4669
15	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
16	Bán buôn đồ uống: bán buôn rượu, bia, nước giải khát	4633
17	Đại lý, môi giới, đấu giá: chi tiết: Đại lý, mua bán, ký gửi hàng hóa	4610
18	Vận tải hành khách đường bộ khác: chi tiết: Vận tải hành khách theo hợp đồng	4932
19	Vận tải hàng hoá bằng đường bộ	4933
20	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu: chi tiết: Kinh doanh khu nghỉ dưỡng chăm sóc sức khỏe	9329
21	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động: Chi tiết: Kinh doanh nhà hàng (không bao gồm kinh doanh quán bar, không hoạt động tại trụ sở).	5610
22	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác : chi tiết: Sản xuất vải không dệt (vải dụng)	1321
23	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp loại khác: Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại, trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp.	4719
24	In ấn (không kinh doanh tại trụ sở)	1811
25	Dịch vụ liên quan đến in	1812

- Kinh doanh các ngành nghề khác phù hợp với qui định của pháp luật.

Điều 5: THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG

CTCP Tổng Công ty Máy Đồng Nai hoạt động kể từ ngày ghi trong Quyết định chuyển từ Doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty cổ phần của cấp có thẩm quyền và không xác định thời hạn kết thúc. Việc tổ chức lại, giải thể và phá sản Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định và thực hiện đúng theo các Điều qui định tại Điều lệ này và Chương VIII của Luật Doanh nghiệp.

Điều 6: NGUYÊN TẮC TỔ CHỨC VÀ QUẢN TRỊ, ĐIỀU HÀNH CỦA CÔNG TY

- Công ty hoạt động trên nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, dân chủ và tôn trọng pháp luật.
- Cơ quan quyết định cao nhất của Công ty là Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCD”)
- Đại hội đồng cổ đông bầu Hội đồng quản trị (“HDQT”) để quản trị Công ty giữa hai kỳ Đại hội; bầu Ban Kiểm soát (“BKS”) để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị, điều hành Công ty.
- Quản lý điều hành hoạt động của Công ty là Tổng Giám đốc (“TGD”) do HDQT bổ nhiệm.

Điều 7: TỔ CHỨC ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ KHÁC

Các tổ chức: Đảng Cộng sản Việt Nam, Công đoàn (thuộc Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam), Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Điều lệ của tổ chức đó.

CTCP Tổng Công ty Máy Đồng Nai tôn trọng và tạo điều kiện để các tổ chức trên hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, điều lệ của mình.

Chữ ký các TV, HDQT (CB. Sáng lập)







Ô. Bùi Thế Kịch Ô. Vũ Đức Dũng Ô. Vũ Đình Hải Ô. Vũ Việt Hà Ô. Ng. Th. Hoài

Chương 2**QUYỀN HẠN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY****Mục 1****QUYỀN HẠN CỦA CÔNG TY****Điều 8: QUYỀN TỰ CHỦ QUẢN LÝ SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA CÔNG TY**

1. Công ty có quyền quản lý, sử dụng vốn cố định, đất đai và tài nguyên được giao sử dụng và các nguồn lực khác để thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ kinh doanh của Công ty.
2. Tổ chức bộ máy quản lý, tổ chức các đơn vị sản xuất kinh doanh phù hợp mục tiêu, nhiệm vụ của Công ty, phân chia và điều chỉnh nguồn lực giữa các đơn vị trực thuộc đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh.
3. Đổi mới công nghệ, trang thiết bị phù hợp với yêu cầu phát triển và hiệu quả kinh doanh của Công ty.
4. Đặt chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty ở trong nước, ở nước ngoài theo qui định của Nhà nước.
5. Kinh doanh những ngành nghề được Nhà nước cho phép.
6. Tìm kiếm thị trường, trực tiếp giao dịch và ký kết hợp đồng với khách hàng trong và ngoài nước; được trực tiếp xuất nhập khẩu theo yêu cầu hoạt động kinh doanh của Công ty và phù hợp với qui định hiện hành của pháp luật.
7. Quyết định giá mua, giá bán vật tư, nguyên liệu, sản phẩm và dịch vụ (trừ những sản phẩm và dịch vụ do Nhà nước định giá).
8. Được quyền bảo hộ về quyền sở hữu công nghiệp, bao gồm: Các sáng chế, giải pháp hữu ích, nhãn hiệu hàng hóa, kiểu dáng công nghiệp, tên gọi xuất xứ hàng hóa theo quy định của pháp luật Việt Nam.
9. Đầu tư, liên doanh, liên kết góp vốn cổ phần, mua một phần hoặc toàn bộ tài sản của doanh nghiệp khác theo quy định của pháp luật với mục đích phát triển sản xuất, kinh doanh.
10. Tuyển chọn, thuê mướn, bố trí sử dụng, đào tạo lao động, lựa chọn các hình thức trả lương, thưởng, quyết định mức lương trên cơ sở công hiến và hiệu quả sản xuất kinh doanh và có các quyền khác của người sử dụng lao động theo quy định của Bộ luật lao động và các quy định khác của pháp luật.
11. Cử cán bộ, nhân viên của Công ty đi công tác, học tập ở nước ngoài. Mời và tiếp khách nước ngoài phù hợp với yêu cầu của Công ty và các quy định của Nhà nước.
12. Có các quyền khác do pháp luật qui định.

Điều 9: QUYỀN QUẢN LÝ TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY


1. Sử dụng vốn và các quỹ của Công ty để phục vụ các nhu cầu trong kinh doanh theo nguyên tắc bảo toàn và phát triển.
2. Nhượng bán hoặc cho thuê những tài sản không dùng hoặc chưa dùng hết công suất.

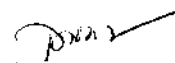
Chữ ký các TV, HDQT (CB. Sáng lập)


 Ông Bùi Thế Kích


 Ông Vũ Đức Dũng


 Ông Vũ Đình Hải


 Ông Vũ Việt Hà


 Ông Ng. Th. Hoài

3. Phát hành, chuyển nhượng, bán các cổ phiếu, trái phiếu theo quy định của pháp luật; Được thế chấp giá trị quyền sử dụng đất gắn liền với tài sản thuộc quyền quản lý của Công ty tại các Ngân hàng Việt Nam để vay vốn kinh doanh theo quy định của pháp luật.
4. Quyết định sử dụng và phân phối phần lợi nhuận còn lại cho các cổ đông sau khi đã làm đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước; lập và sử dụng các quỹ theo quy định của Nhà nước, Điều lệ này và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Mục 2

NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY

Điều 10: NGHĨA VỤ QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA CÔNG TY

1. Đăng ký kinh doanh và kinh doanh đúng ngành nghề đã đăng ký, chịu trách nhiệm trước cổ đông về kết quả kinh doanh; chịu trách nhiệm trước khách hàng và pháp luật về sản phẩm và dịch vụ do Công ty thực hiện.
2. Xây dựng chiến lược phát triển, kế hoạch sản xuất kinh doanh phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Công ty và nhu cầu thị trường.
3. Ký kết và tổ chức thực hiện các hợp đồng kinh tế đã ký với các đối tác.
4. Thực hiện các nghĩa vụ đối với người lao động theo quy định của Bộ Luật lao động, bảo đảm cho người lao động tham gia quản lý Công ty bằng Thỏa ước lao động tập thể và các Quy chế khác.
5. Thực hiện các quy định của Nhà nước về bảo vệ tài nguyên, môi trường, an ninh quốc gia và công tác phòng cháy chữa cháy.
6. Thực hiện chế độ báo cáo thống kê, kế toán; báo cáo định kỳ theo quy định của Nhà nước và báo cáo bất thường theo yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông và chịu trách nhiệm về tính xác thực của các báo cáo.
7. Chịu sự kiểm tra của các cơ quan quản lý Nhà nước theo quy định của pháp luật. Tuân thủ các quy định về thanh tra của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
8. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 11: NGHĨA VỤ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY


1. Thực hiện đúng chế độ và các quy định về quản lý vốn, tài sản, các quỹ; hạch toán, kế toán - thống kê, chế độ kiểm toán và các chế độ khác do pháp luật quy định; chịu trách nhiệm về tính xác thực của các báo cáo tài chính của Công ty.
2. Bảo toàn và phát triển vốn.
3. Thực hiện các khoản phải thu và các khoản phải trả ghi trong bảng cân đối của Công ty tại thời điểm thành lập và trong quá trình hoạt động.
4. Công bố công khai các thông tin và báo cáo tài chính hàng năm; đánh giá đúng đắn và khách quan về hoạt động của Công ty.
5. Thực hiện các nghĩa vụ nộp thuế và các khoản nộp ngân sách Nhà nước theo quy định của pháp luật.
6. Công ty chịu trách nhiệm vật chất đối với khách hàng và các đối tác trong phạm vi vốn điều lệ của Công ty.

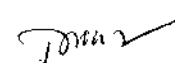
Chữ ký các TV, HĐQT (CB. Sáng lập)


Ô. Bùi Thế Kích


Ô. Vũ Đức Dũng


Ô. Vũ Đình Hải


Ô. Vũ Việt Hà



Ô. Ng. Th. Hoài

Chương 3**VỐN - CỔ PHẦN - CỔ PHIẾU - CỔ ĐÔNG****Mục 1: VỐN****Điều 12 : VỐN ĐIỀU LỆ; CÁCH THỨC TĂNG VÀ GIẢM VỐN ĐIỀU LỆ**


1. Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm thành lập được xác định là:
13.000.000.000 VNĐ (Bằng chữ: Mười ba tỷ đồng chẵn).
 Trong đó: - Vốn góp bằng tiền: **13.000.000.000 VNĐ (Mười ba tỷ đồng chẵn)**, Nhà nước chiếm tỷ lệ là 30% vốn điều lệ.
 - Không có vốn góp bằng các tài sản khác.
2. Vốn điều lệ của Công ty (hiện nay) sau khi tăng vốn lần thứ tư là: **59.766.760.000 VNĐ**.
 Bằng chữ: Năm mươi chín tỷ bảy trăm sáu mươi sáu triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn.
 Trong đó: - Vốn điều lệ góp bằng tiền tại thời điểm thành lập là: **13.000.000.000 VNĐ (Mười ba tỷ đồng chẵn)**. Không có vốn góp bằng các tài sản khác.
 - Vốn điều lệ được tăng thêm đến lần thứ tư (từ khi thành lập đến nay) là: **46.766.760.000 VNĐ (Bốn mươi sáu tỷ bảy trăm sáu mươi sáu triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn)**.
 Trong quá trình hoạt động Công ty có thể tiếp tục tăng vốn điều lệ theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên, với vốn góp bằng tiền, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng hoặc tài sản khác theo qui định của Pháp luật.
3. Cơ cấu vốn điều lệ sau khi tăng vốn lần thứ tư phân theo sở hữu:
 - Vốn thuộc sở hữu Nhà nước: **15.331.680.000 VNĐ (Mười lăm tỷ ba trăm ba mươi một triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng)**, chiếm **25,65 %** vốn điều lệ;
 - Vốn thuộc sở hữu các cổ đông là cá nhân, pháp nhân, ngoài vốn Nhà nước là: **44.435.080.000 VNĐ (Bốn mươi bốn tỷ bốn trăm ba mươi lăm triệu không trăm tám mươi nghìn đồng)**, chiếm **74,35 %** vốn điều lệ.
4. Kể từ khi tăng thêm bao nhiêu % vốn điều lệ do tích lũy từ quỹ dự trữ và sau khi đã thông báo với cơ quan đăng ký kinh doanh để ghi vào giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh, thì các cổ đông đang sở hữu số cổ phần được tự động tăng thêm bấy nhiêu % số cổ phần hiện hữu.
5. Trường hợp tăng vốn điều lệ do phát hành cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi thì không làm phát sinh tăng giá trị cổ phiếu của các cổ đông hiện hữu (trừ khi cổ đông cũng mua thêm cổ phiếu hoặc trái phiếu chuyển đổi khi đã được chuyển đổi). Trong trường hợp này, các cổ đông mới hoặc các cổ đông hiện hữu có mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi khi đã được chuyển đổi sẽ sở hữu số cổ phần tăng thêm do tăng thêm vốn.
6. Khi phát hành trái phiếu chuyển đổi để tăng vốn điều lệ thì vốn điều lệ chỉ được phép tăng kể từ khi trái phiếu được chuyển đổi thành cổ phiếu.
7. Trường hợp giảm vốn điều lệ thì các cổ đông cũng sẽ phải giảm số cổ phần sở hữu tương ứng với số vốn điều lệ được giảm.
8. Việc tiếp tục tăng hay giảm vốn điều lệ do Đại hội đồng cổ đông quyết định và phải thông báo với cơ quan đăng ký kinh doanh.
9. Vốn điều lệ chỉ được sử dụng cho hoạt động kinh doanh, không sử dụng chia cho các cổ đông dưới bất kỳ hình thức nào (trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác).

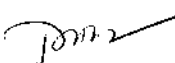
Chữ ký các TV, HĐQT (CB. Sáng lập)


 Ông Bùi Thế Kích


 Ông Vũ Đức Dũng


 Ông Vũ Đình Hải


 Ông Vũ Việt Hà


 Ông Ng. Th. Hoài

Mục 2

CỔ PHẦN - CỔ PHIẾU

Điều 13: CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU

- Vốn điều lệ của Công ty được chia làm nhiều phần bằng nhau gọi là cổ phần; giấy hoặc sổ chứng nhận quyền sở hữu cổ phần do Công ty phát hành được gọi là cổ phiếu. Số tiền ghi trên cổ phiếu là giá trị cổ phiếu của cổ đông mua cổ phần.
- Cổ phần của CTCP Tổng Công ty May Đồng Nai là cổ phần phổ thông và không có cổ phần ưu đãi (Trừ khi ĐHĐCĐ quyết định khác); người sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty gọi là cổ đông phổ thông; mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết.
- Vốn điều lệ của Công ty (sau khi tăng lần thứ tư) được chia thành 5.976.676 cổ phần (Năm triệu chín trăm bảy mươi sáu nghìn sáu trăm bảy mươi sáu cổ phần). Mỗi cổ phiếu (tương ứng với mỗi cổ phần) của CTCP Tổng Công ty May Đồng Nai có mệnh giá tối thiểu bằng 10.000 VNĐ. Các cổ phần có giá trị ngang nhau về mọi mặt.
- Khi cổ phiếu của Công ty được tham gia giao dịch chính thức trên sở giao dịch chứng khoán hoặc trung tâm giao dịch chứng khoán thì mệnh giá cổ phiếu được thay đổi thống nhất theo đúng quy định của Luật chứng khoán; khi đó, các cổ phiếu của cổ đông sẽ được tự động quy đổi ra số cổ phần tương ứng với mệnh giá thống nhất theo quy định.

Điều 14: HÌNH THỨC CỔ PHIẾU


- Cổ phiếu của Công ty được phát hành theo mẫu do HĐQT Công ty quyết định nhưng không trái với quy định của pháp luật Việt Nam.
- Mọi cổ phiếu phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT và được đóng dấu Công ty. Khi phát sinh tăng giảm cổ phiếu sẽ được người đại diện theo pháp luật của Công ty xác nhận.
- Cổ phiếu của CTCP Tổng Công ty May Đồng Nai thể hiện dưới hình thức là Sổ chứng nhận sở hữu cổ phần và có thể ghi tên hoặc không ghi tên. Cổ phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - Tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty;
 - Số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
 - Số lượng cổ phần và loại cổ phần;
 - Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu;
 - Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức đối với cổ phiếu có ghi tên;
 - Tóm tắt về thủ tục chuyển nhượng cổ phần;
 - Chữ ký mẫu của người đại diện theo pháp luật và dấu của công ty;
 - Số đăng ký tại sở đăng ký cổ đông của công ty và ngày phát hành cổ phiếu;
- Nếu cổ phiếu mờ, rách, hư hỏng hay bị mất có thể xin đổi cổ phiếu mới, nếu trình đủ chứng cứ theo yêu cầu của HĐQT và theo quy định tại Khoản 3, Điều 85, Luật doanh nghiệp; cổ đông sở hữu cổ phiếu đó phải chịu mọi phí tổn xin đổi.

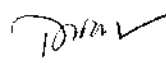
Chữ ký các TV HĐQT (CB. Sáng lập)


Ông. Bùi Thế Kịch


Ông. Vũ Đức Dũng


Ông. Vũ Đình Hải


Ông. Vũ Việt Hà


Ông. Ng. Th. Hoài

Điều 15: CHUYỂN NHƯỢNG CỔ PHẦN

1. Cổ phần của Công ty được chuyển nhượng, thừa kế theo các quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty. Cổ đông muốn mua bán, chuyển nhượng cổ phần phải đăng ký tại trụ sở Công ty (nơi phát hành cổ phiếu).
2. Cổ phiếu của các thành viên HĐQT, trong thời gian đương nhiệm và 2 năm sau khi thôi giữ các chức danh trên không được chuyển nhượng (trừ những hoàn cảnh đặc biệt do ĐHQT quyết định).
4. Cổ phiếu thuộc vốn Nhà nước bán với giá ưu đãi theo phương thức trả dần cho người lao động nghèo trong doanh nghiệp không được chuyển nhượng khi chưa trả hết nợ cho Nhà nước.
4. Việc chuyển nhượng cổ phiếu phải được sự *xác nhận* của HĐQT. HĐQT xem xét, xử lý việc chuyển nhượng trong thời gian 30 ngày, kể từ ngày nhận được đơn của các cổ đông xin chuyển nhượng cổ phần. Trường hợp không *xác nhận* cho chuyển nhượng cổ phần HĐQT thông báo rõ lý do cho các cổ đông đề nghị chuyển nhượng.
5. Cổ đông của Công ty không dùng cổ phiếu của mình vào việc thế chấp, cầm cố hay bảo lãnh để đảm bảo thực hiện cho các nghĩa vụ khác.
6. Các trường hợp mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông; mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty và các thủ tục thực hiện theo quy định tại Điều 90, 91, 92 Luật doanh nghiệp. Trong đó, khi cổ phiếu của Công ty chưa niêm yết trên sở trung tâm giao dịch chứng khoán, thì việc mua lại phải do HĐQT quyết định mức mua bán (trong phạm vi thẩm quyền của HĐQT theo khoản 2.6, điều 32 - Điều lệ này), giá mua bán, đối tượng mua bán và phê duyệt đề nghị giao dịch cho từng đợt.

Điều 16: THỪA KẾ CỔ PHẦN

1. Trường hợp cổ đông qua đời, Công ty công nhận những người sau đây có quyền sở hữu một phần hoặc toàn bộ cổ phần của người đã mất:
 - Người thừa kế duy nhất theo luật định.
 - Trường hợp có nhiều người cùng thừa kế theo pháp luật thì họ phải cử đại diện sở hữu duy nhất bằng thủ tục ủy quyền có công chứng. Công ty không giải quyết các trường hợp tranh chấp giữa người thừa kế theo pháp luật.
2. Người có quyền sở hữu hoặc thừa kế hợp pháp, đăng ký làm sở hữu chủ các cổ phần được thừa kế, trở thành cổ đông mới và được hưởng mọi quyền lợi, nghĩa vụ của cổ đông mà họ kế quyền. Người kế quyền chỉ được đảm nhiệm các chức vụ tiếp theo, sau khi đã tuân thủ các qui định của Điều lệ này.

Trường hợp thừa kế số cổ phần của người lao động nghèo trong doanh nghiệp được mua theo giá ưu đãi trả dần thì người được thừa kế phải chịu trách nhiệm về khoản trả dần (nếu còn).

Người có cổ phần mua theo giá ưu đãi trả dần qua đời mà không có người thừa kế thì cổ phần đó được thu hồi và hoàn trả cho Nhà nước.

Điều 17: PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU


1. Việc phát hành thêm cổ phiếu phải được Đại hội đồng cổ đông quyết định.
2. Cổ phiếu phát hành thêm phải ghi đủ các nội dung theo quy định của pháp luật, và phải được đăng ký vào Sổ đăng ký cổ đông.

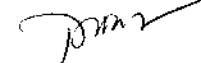
Chữ ký các TV, HĐQT (CB, Sáng lập)


Ô. Bùi Thế Kịch


Ô. Vũ Đức Dũng


Ô. Vũ Đình Hải


Ô. Vũ Việt Hà


Ô. Ng. Th. Hoài

Mục 3

CỔ ĐÔNG

Điều 18: QUY ĐỊNH CHUNG VỀ CỔ ĐÔNG

1. Cổ đông của CTCP Tổng Công ty May Đồng Nai là những pháp nhân hoặc cá nhân sở hữu một hoặc nhiều cổ phần của Công ty. Các cổ đông của CTCP Tổng Công ty May Đồng Nai là cổ đông phổ thông và không có cổ đông ưu đãi (trừ khi ĐHĐCĐ quyết định khác).
2. Cổ đông được công nhận chính thức khi đã đóng đủ tiền mua cổ phần và cổ đông thuộc lao động nghèo được ghi tên vào sổ đăng ký cổ đông lưu giữ tại Công ty.
3. Người đại diện sở hữu cổ phần của cổ đông tại Công ty:
 - 3.1. Người đại diện sở hữu cổ phần của cổ đông là pháp nhân :
 - Người đại diện phần vốn Nhà nước tại CTCP Tổng Công ty May Đồng Nai do Tổng Công ty Dệt- May Việt Nam (nay là Tập đoàn Dệt May Việt Nam) cử.
 - Đối với các pháp nhân khác, người đại diện cổ đông tại Công ty cổ phần là người đại diện theo pháp luật của pháp nhân đó.
 - 3.2. Người đại diện nêu tại điểm 3.1, khoản 3, Điều này có thể ủy quyền cho người có đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi thuộc pháp nhân đó làm đại diện tại Công ty. Những người được ủy quyền làm đại diện cho pháp nhân tại Công ty không được ủy quyền cho người khác.
 - 3.3. Cổ đông là cá nhân có thể ủy quyền cho người khác là cổ đông của Công ty có đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi làm đại diện cho mình tại Công ty cổ phần.
 - 3.4. Việc ủy quyền nêu trên phải được thực hiện bằng văn bản. Cổ đông muốn thay đổi người đại diện phải có văn bản gửi HĐQT của Công ty cổ phần.
 - 3.5. Các cổ đông có thể tự nhóm lại để cử một người đại diện. Trường hợp cử hoặc thay đổi người đại diện cho một nhóm cổ đông phải được sự chấp thuận của các cổ đông này bằng văn bản.
 - 3.6. Trong trường hợp một cổ đông pháp nhân mới được sáp nhập, hợp nhất từ cổ đông cũ hoặc thừa kế quyền và nghĩa vụ của pháp nhân cũ, thì cổ đông pháp nhân mới này gửi cho HĐQT các văn bản có giá trị pháp lý về việc sáp nhập, hợp nhất hoặc kế thừa để HĐQT xử lý về cổ đông, cổ phiếu, cổ phần và người đại diện theo pháp luật hiện hành. Trường hợp cổ đông pháp nhân giải thể thì cổ phần của cổ đông này phải được chuyển nhượng cho pháp nhân hoặc cá nhân khác.

Điều 19: QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG PHỔ THÔNG


1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau đây:
 - 1.1. Tham dự và phát biểu trong các Đại hội cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền; mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
 - 1.2. Được nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - 1.3. Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong công ty;

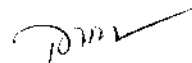
Chữ ký các TV, HĐQT (CĐ. Sáng lập)


Ô. Bùi Thế Kích


Ô. Vũ Đức Dũng


Ô. Vũ Đình Hai


Ô. Vũ Việt Hà


Ô. Ng. Th. Hoài

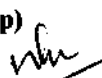
- 1.4. Được tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho cổ đông khác và cho người không phải là cổ đông theo thủ tục quy định tại Điều 15 của Điều lệ này;
 - 1.5. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
 - 1.6. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
 - 1.7. Khi công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào công ty;
 - 1.8. Các quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có các quyền sau đây:
- 2.1. Đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát (nếu có);
 - 2.2. Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát;
 - 2.3. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này;
 - 2.4. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
 - 2.5. Các quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều này có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:
- 3.1. Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;
 - 3.2. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá sáu tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế;
 - 3.3. Các trường hợp khác theo quy định của Điều lệ công ty.
- Yêu cầu triệu tập họp Hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Giấy chứng minh nhân dân hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.
4. Trường hợp đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát quy định tại điểm 2.1 khoản 2 Điều này được thực hiện như sau:

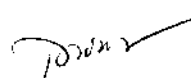
Chữ ký các TV HĐQT (CB. Sáng lập)


Ông. Bùi Thế Kích


Ông. Vũ Đức Dũng


Ông. Vũ Đình Hải


Ông. Vũ Việt Hà


Ông. Ng. Th. Hoài

- 4.1. Các cổ đông phổ thông tự nguyện tập hợp thành nhóm thoả mãn các điều kiện quy định để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết chậm nhất ngay khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
- 4.2. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

Điều 20: NGHĨA VỤ CỔ ĐÔNG PHỔ THÔNG

1. Thanh toán đủ số cổ phần cam kết mua khi công ty phát hành cổ phiếu; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào công ty. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì thành viên HĐQT và người đại diện theo pháp luật của công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút.
2. Tuân thủ Điều lệ và Quy chế quản lý nội bộ công ty.
3. Chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
4. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và điều lệ công ty.
5. Cổ đông phổ thông phải chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây :
 - 5.1. Vi phạm pháp luật;
 - 5.2. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - 5.3. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với công ty.

Điều 21: QUYỀN LỢI CỦA CỔ ĐÔNG LÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG TẠI CÔNG TY KHI CHUYỂN THÀNH CÔNG TY CỔ PHẦN

1. Người lao động tại Công ty được mua cổ phần với giá ưu đãi, và người lao động nghèo trong Công ty được mua cổ phần trả dần từ nguồn vốn của Nhà nước theo giá ưu đãi (quy định tại Nghị định số 44/1998/NĐ-CP ngày 29/6/1998 của Chính phủ, khi Công ty cổ phần hóa) hết bị giới hạn và được hưởng đầy đủ quyền và chịu đầy đủ nghĩa vụ của cổ đông phổ thông theo quy định của Điều lệ này.
2. Cổ đông là người lao động nêu tại khoản 1 Điều này đã bỏ việc và không liên lạc với Công ty để thực hiện quyền và nghĩa vụ của cổ đông thì được xử lý cổ phần theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi cần thiết để đảm bảo thủ tục đăng ký hoặc lưu ký theo quy định.

Chữ ký các TV, HĐQT (CB. Sáng lập)

Ô. Bùi Thế Kích

Ô. Vũ Đức Dũng

Ô. Vũ Đình Hải

Ô. Vũ Việt Hà

Ô. Ng. Th. Hoài

Chương 4**TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ, ĐIỀU HÀNH VÀ KIỂM SOÁT****Mục 1****ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG****Điều 22: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty, gồm: Đại hội đồng cổ đông thành lập, Đại hội đồng cổ đông thường niên và Đại hội đồng cổ đông bất thường.
2. Đại hội đồng cổ đông phải có đủ số lượng cổ đông tham gia tối thiểu quy định tại các điểm 1.1, 1.2, 1.3, khoản 1, Điều 27 của bản Điều lệ này.
3. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông chỉ có giá trị khi được các cổ đông và đại diện cổ đông biểu quyết thông qua theo tỷ lệ quy định tại Điều 29, Điều lệ này.

Điều 23: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên mỗi năm họp một lần do Chủ tịch HĐQT triệu tập trong thời hạn 4 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
2. Đại hội đồng cổ đông thường niên là hợp lệ nếu có số cổ đông dự họp (qua các lần triệu tập) đầy đủ theo qui định tại điểm 1.1, 1.2, 1.3, khoản 1, Điều 27, của bản Điều lệ này.
3. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông thường niên:
 - 3.1. Thông qua định hướng phát triển của công ty;
 - 3.2. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
 - 3.3. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - 3.4. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
 - 3.5. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty, trừ trường hợp điều chỉnh vốn điều lệ do bán thêm cổ phần mới trong phạm vi số lượng cổ phần được quyền chào bán quy định tại Điều lệ công ty;
 - 3.6. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm, báo cáo của Hội đồng quản trị đánh giá thực trạng công tác quản lý kinh doanh ở công ty, báo cáo của Ban kiểm soát về quản lý công ty của Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc;
 - 3.7. Quyết định mua lại trên 10% đến không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán;
 - 3.8. Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho công ty và cổ đông công ty;
 - 3.9. Quyết định tổ chức lại, giải thể công ty;
 - 3.10. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ này và Luật doanh nghiệp.

Điều 24: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG

1. Lý do và điều kiện triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường:

Chữ ký các TV.HĐQT (CB. Sáng lập)

 Ông. Bùi Thế Kích
  Ông. Vũ Đức Dũng
  Ông. Vũ Đình Hải
  Ông. Vũ Việt Hà
  Ông. Ng. Th. Hoài

Trường hợp phát sinh những vấn đề bất thường, ảnh hưởng đến tổ chức và hoạt động của Công ty, HĐQT phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường theo yêu cầu bằng văn bản của một hoặc một nhóm người sau:

- Chủ tịch HĐQT;
 - Ít nhất 2/3 số thành viên HĐQT;
 - Trường Ban kiểm soát hoặc 2/3 Thành viên Ban kiểm soát (trong trường hợp HĐQT vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của người quản lý qui định tại Điều 119 Luật doanh nghiệp, HĐQT ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao theo qui định của Điều lệ này);
 - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo qui định tại khoản 2, Điều 19 của Điều lệ này.
2. HĐQT phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu qui định tại khoản 1, Điều này. Trường hợp HĐQT không triệu tập thì Ban Kiểm soát thay thế; trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập thì nhóm cổ đông qui định tại khoản 2, Điều 19 của Điều lệ này thay thế. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành Đại hội đồng cổ đông bất thường nêu tại Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.
3. Đại hội đồng cổ đông bất thường là hợp lệ nếu có số cổ đông dự họp (qua các lần triệu tập) đầy đủ theo qui định tại điểm 1.1, 1.2, 1.3, khoản 1, Điều 27, của bản Điều lệ này.
4. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông bất thường:
- Nghị quyết xử lý các vấn đề bất thường;
 - Bãi miễn và bầu bổ sung, thay thế thành viên HĐQT, Thành viên Ban kiểm soát vi phạm Điều lệ gây thiệt hại cho Công ty;
 - Biểu quyết sửa đổi, bổ sung Điều lệ;
 - Xử lý các vấn đề khẩn cấp khác.

ĐIỀU 25: DANH SÁCH CỔ ĐÔNG CÓ QUYỀN DỰ HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên Sổ đăng ký cổ đông của Công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập khi có quyết định triệu tập và phải lập xong chậm nhất 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông.
2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội cổ đông phải có họ tên, địa chỉ thường trú đối với cá nhân; tên trụ sở đối với tổ chức; số lượng cổ phần mỗi loại mà mình sở hữu hoặc được ủy quyền đại diện.
3. Mỗi cổ đông đều có quyền được cung cấp các thông tin liên quan đến mình được ghi trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 19 Điều Lệ này có quyền xem Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.
5. Cổ đông có quyền yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.

Chữ ký các TV.HĐQT (CB. Sáng lập)

 Ông. Bùi Thế Kích
  Ông. Vũ Đức Dũng
  Ông. Vũ Đình Hải
  Ông. Vũ Việt Hà
  Ông. Ng. Th. Hoài

6. Cổ đông được quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông, các cổ đông có thể ủy quyền bằng văn bản cho cổ đông hoặc người khác có đủ năng lực hành vi dân sự, dự họp Đại hội đồng cổ đông.
7. Trường hợp cổ phần được chuyển nhượng trong thời gian từ ngày lập xong danh sách cổ đông đến ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, thì người nhận chuyển nhượng có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông thay thế cho người chuyển nhượng đối với số cổ phần đã chuyển nhượng.

ĐIỀU 26: CHƯƠNG TRÌNH VÀ NỘI DUNG HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình và nội dung họp.
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2, Điều 19, Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất ba ngày trước ngày khai mạc Đại hội. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này nếu có một trong các trường hợp sau đây:
 - 3.1. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
 - 3.2. Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - 3.3. Những trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 27: ĐIỀU KIỆN, THẺ THỨC TRIỆU TẬP VÀ TIẾN HÀNH HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG


1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi giấy mời họp đến tất cả cổ đông có quyền dự họp chậm nhất bảy ngày trước ngày khai mạc; đồng thời, thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng và Website Công ty. Kèm theo giấy mời họp phải có chương trình họp, các tài liệu thảo luận làm cơ sở để thông qua quyết định.
 - 1.1. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 65% số cổ phần có quyền biểu quyết (triệu tập lần thứ nhất);
 - 1.2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo qui định tại điểm 1.1, khoản 1, Điều này thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc và cuộc họp được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% số cổ phần có quyền biểu quyết.
 - 1.3. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo qui định tại điểm 1.2, khoản 1, Điều này thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ hai dự định khai mạc và cuộc họp luôn được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp.
2. Những cổ đông không đến dự Đại hội thì được phép ủy quyền cho đại diện thay thế theo qui định của Điều lệ.
3. Ban tổ chức Đại hội có nhiệm vụ kiểm tra xác nhận tư cách của cổ đông hoặc người đại diện tham dự Đại hội, lập danh sách hiện diện (ghi số cổ phần sở hữu, cổ phần đại diện).
4. Chủ tọa Đại hội:
 - 4.1. Đại hội thường niên hoặc Đại hội bất thường do Chủ tịch HĐQT làm chủ tọa; nếu Chủ tịch HĐQT vắng mặt có thể ủy nhiệm cho một thành viên HĐQT làm Chủ tọa.

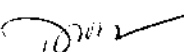
Chữ ký các TV.HĐQT (CB. Sáng lập)


Ô. Bùi Thế Kích


Ô. Vũ Đức Dũng


Ô. Vũ Đình Hải


Ô. Vũ Việt Hà


Ô. Ng. Th. Hoài

- 4.2. Đại hội bất thường do Ban Kiểm soát đề nghị thì Trưởng Ban Kiểm soát làm Chủ tọa.
- 4.3. Đại hội bất thường do cổ đông hoặc nhóm cổ đông qui định tại Khoản 2, Điều 19 của Điều lệ này triệu tập thì phải thỏa thuận bằng văn bản cứ Cổ đông có số cổ phần cao nhất hoặc người có năng lực trong nhóm làm Chủ tọa.
5. Đại hội bầu Thư ký đại hội và Ban kiểm phiếu.
6. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi vào Sổ biên bản của Công ty và phải có các nội dung chủ yếu theo qui định của Luật doanh nghiệp, có chữ ký của Chủ tọa, thư ký và hai kiểm phiếu viên; đồng thời, phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp. Các trích lục Biên bản phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT hoặc hai Thành viên HĐQT.

Điều 28: VIỆC ỦY QUYỀN THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG


1. Cổ đông được ủy quyền cho cổ đông hoặc người khác có đủ năng lực hành vi dân sự để thay thế tham dự Đại hội đồng cổ đông; người được ủy quyền được biểu quyết, bầu cử tại Đại hội đồng cổ đông.
2. Việc ủy quyền phải thực hiện bằng văn bản, người được ủy quyền phải trình cho ban tổ chức Đại hội trước khi khai mạc.
3. Trong trường hợp bên ủy quyền là pháp nhân thì văn bản ủy quyền phải được Thủ trưởng hoặc Đại diện theo pháp luật của pháp nhân đó ký, đóng dấu.
4. Việc ủy quyền chỉ được thực hiện từng lần (ủy quyền tham dự cuộc họp lần nào chỉ có giá trị trong cuộc họp lần đó). Người được ủy quyền không được ủy quyền lại cho người thứ ba.
5. Người ủy quyền có thể thu hồi sự ủy quyền bằng văn bản gửi HĐQT trước khi khai mạc cuộc họp.

Điều 29: THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG


1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định (dưới dạng Nghị quyết) thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết công khai hoặc bỏ phiếu tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi:
 - 2.1. Được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.
 - 2.2. Đối với quyết định về loại cổ phần và số lượng cổ phần được quyền chào bán của từng loại; sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty; tổ chức lại, giải thể Công ty; đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn, 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty thì phải được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.
 - 2.3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

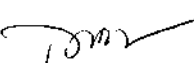
Chữ ký các TV.HĐQT (CB. Sáng lập)


Ô. Bùi Thế Kích


Ô. Vũ Đức Dũng


Ô. Vũ Đình Hải


Ô. Vũ Việt Hà


Ô. Ng. Th. Hoài

3. Các quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông với số cổ đông trực tiếp và ủy quyền tham dự đại diện 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp không được thực hiện đúng như quy định.
4. Trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, thì quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận.
 Trong trường hợp này để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT phải tiến hành các công việc sau:
 - Quyết định danh mục các vấn đề cần lấy ý kiến, hình thức và nội dung phiếu lấy ý kiến.
 - Nội dung phiếu lấy ý kiến ít nhất phải có tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty; mục đích lấy ý kiến; vấn đề cần lấy ý kiến và đầu đề các tài liệu tương ứng được gửi kèm theo; thời hạn cuối cùng phải gửi phiếu lấy ý kiến về Công ty; phương án biểu quyết "nhất trí", "không nhất trí", "không có ý kiến".
 - Gửi phiếu lấy ý kiến kèm theo tài liệu liên quan đến tất cả các cổ đông có quyền dự Đại hội đồng cổ đông.
 - Thực hiện kiểm phiếu và lập biên bản về kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến, thông báo kết quả và các nội dung lấy ý kiến đến tất cả cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua.
5. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực thi hành đối với tất cả các cổ đông, kể cả cổ đông vắng mặt hay bất đồng ý kiến.
6. Việc yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 107 Luật doanh nghiệp và do Tòa án hoặc trọng tài quyết định theo qui định của pháp luật.

Mục 2

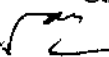
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 30: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ


1. Hội đồng quản trị ("HĐQT") là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. HĐQT CTCP Tổng Công ty May Đồng Nai có 5 (năm) thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc bãi nhiệm, miễn nhiệm. Thành viên của HĐQT được trúng cử với đa số phiếu tính theo số cổ phần bằng hình thức biểu quyết công khai hoặc bỏ phiếu.
3. Cơ quan đại diện chủ sở hữu phần vốn Nhà nước tại Công ty cổ phần quyết định cử người tham gia ứng cử vào HĐQT.
4. HĐQT thông qua các quyết định bằng hình thức biểu quyết hoặc bỏ phiếu hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
 - Cuộc họp HĐQT được coi là hợp lệ khi có từ 2/3 tổng số thành viên trở lên tham dự. Các thành viên vắng mặt phải có lý do chính đáng, bất khả kháng.

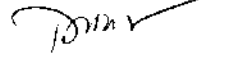
Chữ ký các TV, HĐQT (CB. Sáng lập)


 Ô. Bùi Thế Kích


 Ô. Vũ Đức Dũng


 Ô. Vũ Đình Hải


 Ô. Vũ Việt Hà


 Ô. Ng. Th. Hoài

- HĐQT thông qua các quyết định theo đa số.
- Mỗi thành viên HĐQT có một phiếu biểu quyết giá trị ngang nhau.
- Trường hợp số phiếu ngang nhau, quyết định được thông qua thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT.

Điều 31: ĐIỀU KIỆN ỨNG CỬ THÀNH VIÊN HĐQT

Được đề cử vào HĐQT phải là người có đủ các điều kiện sau:


1. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
2. Là cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty trong thời hạn liên tục ít nhất 1 năm. ?
Được HĐQT hoặc cổ đông hay nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 19 Điều lệ này đề cử.
3. Có trình độ học vấn, am hiểu ngành nghề Công ty đang hoạt động. Có năng lực, kiến thức, kinh nghiệm tổ chức quản lý doanh nghiệp.
4. Có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt. Trung thực, liêm khiết. Am hiểu pháp luật.
5. Thành viên của HĐQT có thể kiêm nhiệm các chức vụ điều hành trực tiếp sản xuất, kinh doanh của Công ty hoặc của Công ty khác.

Điều 32: QUYỀN HẠN VÀ TRÁCH NHIỆM HĐQT


1. HĐQT có toàn quyền nhân danh Công ty quyết định các vấn đề có liên quan đến mục tiêu, quyền lợi của Công ty phù hợp với luật pháp, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. HĐQT có các quyền và nhiệm vụ sau đây:
 - 2.1. Quản trị Công ty theo Điều lệ, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và tuân thủ đúng luật pháp;
 - 2.2. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
 - 2.3. Kiến nghị các loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - 2.4. Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi tổng số cổ phần đã được ĐHĐCĐ quyết định từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác (phát hành trái phiếu, vay vốn tín dụng...);
 - 2.5. Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
 - 2.6. Quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mỗi 12 tháng;
 - 2.7. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư có giá trị không vượt quá 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, duyệt các quyết toán của các công trình, dự án đầu tư đã thông qua tại Đại hội đồng cổ đông;

Chữ ký các TV.HQĐT (CB. Sáng lập)


Ô. Bùi Thế Kích


Ô. Vũ Đức Dũng


Ô. Vũ Đình Hải


Ô. Vũ Việt Hà


Ô. Ng. Th. Hoài


- 2.8. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- 2.9. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc điều hành, Kế toán trưởng của Công ty; quyết định tiền lương, tiền thưởng cho Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc điều hành, Kế toán trưởng và các chức danh thuộc quyền quản lý của HĐQT; cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó;
- 2.10. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc điều hành, Kế toán trưởng trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty;
- 2.11. Xem xét sai phạm và quyết định hình thức xử lý đối với thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông của Công ty;
- 2.12. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty; quyết định thành lập, giải thể công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị trực thuộc khác và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- 2.13. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định; giới thiệu danh sách ứng cử viên tham gia HĐQT, Ban kiểm soát;
- 2.14. Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm, các báo cáo hoạt động của HĐQT, báo cáo kết quả sản xuất-kinh doanh của Công ty lên Đại hội đồng cổ đông;
- 2.15. Kiến nghị mức cổ tức được trả, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý các khoản lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh; thực hiện việc trích lập các quỹ thuộc thẩm quyền và cách thức sử dụng quỹ theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- 2.16. Định giá tài sản góp vốn không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng;
- 2.17. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công ty;
- 2.18. Kiến nghị bổ sung hoặc sửa đổi Điều lệ Công ty;
- 2.19. Trình Đại hội đồng cổ đông quyết định:
- Kế hoạch phát triển dài hạn của Công ty,
 - Tăng giảm vốn Điều lệ và chuyển nhượng vốn cổ phần,
 - Chương trình thực hiện các đề án cụ thể và quan hệ quốc tế,
 - Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông để Đại hội đồng cổ đông thông qua hoặc quyết định,
- 2.20. Có các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. HĐQT có thể đình chỉ các quyết định của Tổng Giám đốc nếu thấy rõ ràng là trái pháp luật, vi phạm Điều lệ, Nghị quyết của ĐHQĐ, các quy định của HĐQT và phải chịu trách nhiệm về việc đình chỉ này.
4. Xem xét, xác nhận việc chuyển nhượng cổ phiếu.
5. Chịu trách nhiệm về những vi phạm pháp luật, vi phạm điều lệ, những sai phạm trong quản trị gây thiệt hại cho Công ty.

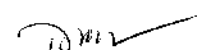
Chữ ký các TV.HQĐT (CB. Sáng lập)


Ông. Bùi Thế Kích


Ông. Vũ Đức Dũng


Ông. Vũ Đình Hải


Ông. Vũ Việt Hà


Ông. Ng. Th. Hoài

Điều 33: HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

1. HĐQT họp thường kỳ mỗi Quý (3 tháng) ít nhất một lần, trường hợp đặc biệt khoảng cách giữa hai kỳ họp cũng không được quá bốn tháng.
2. Trường hợp cần thiết, HĐQT có thể họp phiên bất thường theo yêu cầu của một trong các đối tượng sau đây:
 - Chủ tịch HĐQT.
 - Ít nhất 2/3 số thành viên HĐQT.
 - Trưởng Ban Kiểm soát.
 - Tổng Giám đốc Công ty.
3. Mọi Nghị quyết, quyết định của HĐQT trong mỗi phiên họp đều phải ghi trong biên bản và biên bản phải được thông qua mọi thành viên tham dự với đầy đủ chữ ký.

Điều 34: TRƯỜNG HỢP MIỄN NHIỆM, BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN HĐQT

1. Thành viên HĐQT đương nhiên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - Chết, mất trí, mất quyền công dân;
 - Tự ý bỏ nhiệm sở hoặc không tham gia hoạt động của HĐQT trong 6 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - Thuộc các trường hợp quy định tại Khoản 2, Điều 13 của Luật Doanh Nghiệp;
 - Cổ đông pháp nhân mất tư cách pháp nhân;
 - Mất tư cách đại diện cho cổ đông pháp nhân;
 - Công ty cổ phần bị giải thể trước thời hạn theo các quyết định của Tòa án.
2. Thành viên HĐQT bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi vi phạm nghiêm trọng Pháp luật, Điều lệ Công ty gây thiệt hại quyền và lợi ích của Công ty và của cổ đông.

Điều 35: TRƯỜNG HỢP KHUYẾT THÀNH VIÊN HĐQT

1. Chủ tịch, thành viên HĐQT muốn từ chức hoặc cổ đông pháp nhân muốn thay đổi người đại diện của mình đang giữ chức Chủ tịch và các thành viên HĐQT của Công ty thì phải có văn bản gửi đến HĐQT Công ty. HĐQT sẽ họp để xem xét và quyết định trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận đơn hoặc văn bản.
2. Trường hợp Chủ tịch HĐQT đương nhiệm bị khuyết thì HĐQT triệu tập họp và bầu Chủ tịch HĐQT mới đảm nhiệm công việc cho đến kỳ Đại hội gần nhất.
3. Trường hợp khuyết quá 1/3 số thành viên HĐQT hoặc không đủ số thành viên tối thiểu theo quy định của Luật Doanh nghiệp thì phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong thời hạn không quá 60 ngày để bầu bổ sung.


Các trường hợp khuyết thành viên HĐQT khác do Đại hội đồng cổ đông gần nhất quyết định.

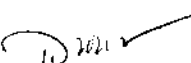
Chữ ký các TV.HĐQT (CB. Sáng lập)


Ông. Bùi Thế Kích


Ông. Vũ Đức Dũng


Ông. Vũ Đình Hải


Ông. Vũ Việt Hà


Ông. Ng. Th. Hoài

Điều 36: PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN GIỮA CÁC THÀNH VIÊN HĐQT

HĐQT bầu 01 Chủ tịch và không có Phó Chủ tịch.


1. Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm và quyền hạn sau:
 - 1.1. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT;
 - 1.2. Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa, điều khiển các cuộc họp để thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT;
 - 1.3. Tổ chức việc thông qua quyết định của HĐQT dưới hình thức khác;
 - 1.4. Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của HĐQT; lập chương trình công tác và phân công các thành viên thực hiện việc kiểm tra giám sát các hoạt động của Công ty;
 - 1.5. Chủ tọa họp Đại hội đồng cổ đông;
 - 1.6. Được ủy quyền và chịu trách nhiệm về sự ủy quyền của mình; ký ban hành các văn bản qui phạm quản lý nội bộ thuộc thẩm quyền của HĐQT;
 - 1.7. Có các quyền và thực hiện các nghĩa vụ khác theo qui định của pháp luật và của Điều lệ này.
 - 1.8. Khi vắng mặt, Chủ tịch HĐQT có thể ủy quyền cho Thành viên HĐQT thay mặt đảm trách công việc Quản trị Công ty.
 - 1.9. Mọi sự ủy quyền của Chủ tịch HĐQT với thành viên hoặc người được ủy quyền khác, Chủ tịch phải chịu trách nhiệm pháp lý trước sự ủy quyền của mình.
2. Thành viên HĐQT được Chủ tịch ủy quyền thì có trách nhiệm thực hiện những nhiệm vụ do Chủ tịch phân công, thay mặt Chủ tịch thực thi công việc quy định tại điểm 1.8 và 1.9 Điều này trong thời gian Chủ tịch vắng mặt.
3. Thành viên HĐQT khác trực tiếp thực thi nhiệm vụ đã được HĐQT phân công, không ủy quyền cho người khác. Nhiệm vụ và quyền hạn của thành viên HĐQT như sau:
 - 3.1. Nghiên cứu, đánh giá tình hình, kết quả hoạt động và đóng góp vào việc xây dựng phương hướng phát triển, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong từng thời kỳ.
 - 3.2. Được quyền yêu cầu các Cán bộ chức danh trong Công ty cung cấp đầy đủ mọi tài liệu có liên quan đến hoạt động của Công ty để thực hiện nhiệm vụ của mình.
 - 3.3. Tham dự phiên họp của HĐQT, thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc phạm vi cuộc họp, chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông và trước HĐQT về những hành vi của mình.
 - 3.4. Thực hiện Điều lệ của Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết của HĐQT có liên quan đến từng thành viên theo sự phân công của HĐQT;
 - 3.5. Thành viên HĐQT là Đại diện quản lý phần vốn Nhà nước tại Công ty có phần thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 168 của Luật doanh nghiệp, và các quy định khác của Chính phủ.

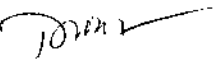
Chữ ký các TV.HĐQT (CB. Sáng lập)


Ông. Bùi Thế Kích


Ông. Vũ Đức Dũng


Ông. Vũ Đình Hải


Ông. Vũ Việt Hà.


Ông. Ng. Th. Hoài

Điều 37: NHIỆM KỲ CỦA HĐQT

1. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT là: **05 năm (năm năm)**. Các thành viên HĐQT có thể được bầu lại.
2. Việc thay thế thành viên HĐQT theo nguyên tắc kế thừa, đảm bảo trong HĐQT có ít nhất **1/3** thành viên cũ.
3. Trong nhiệm kỳ, Đại hội đồng cổ đông có thể *bãi nhiệm, miễn nhiệm* và bầu bổ sung thành viên HĐQT để đảm nhiệm cho hết nhiệm kỳ.

Mục 3**BAN GIÁM ĐỐC VÀ BỘ MÁY GIÚP VIỆC****Điều 38: TỔNG GIÁM ĐỐC**

1. Tổng Giám đốc là người Đại diện theo pháp luật của Công ty trong mọi giao dịch.
2. Tổng Giám đốc là người điều hành mọi hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty, Tổng Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm và miễn nhiệm.
3. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước HĐQT và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.
4. Giúp việc Tổng Giám đốc có các Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc điều hành do HĐQT bổ nhiệm và miễn nhiệm theo đề nghị của Tổng Giám đốc.
5. HĐQT quyết định thành lập, giải thể hay sáp nhập các phòng ban nghiệp vụ để giúp việc cho Tổng Giám đốc điều hành Công ty.
6. Trường hợp HĐQT không ký hợp đồng thuê Tổng Giám đốc mà bầu một thành viên HĐQT làm Tổng Giám đốc thì nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc theo nhiệm kỳ của HĐQT và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế nhưng không được đồng thời làm Giám đốc hay Tổng giám đốc của doanh nghiệp khác.

Điều 39: TIÊU CHUẨN LỰA CHỌN TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty phải có đủ các điều kiện sau:


1. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp quy định tại Khoản 2 Điều 13 của Luật Doanh nghiệp;
2. Có trình độ học vấn. Có năng lực kinh doanh, kinh nghiệm, kiến thức tổ chức quản lý doanh nghiệp. Có ít nhất **05 năm** công tác trong ngành nghề kinh doanh của Công ty. Am hiểu pháp luật.
3. Không thuộc các đối tượng được quy định tại Khoản 2, Điều 13 của Luật Doanh nghiệp.
4. Không kiêm nhiệm bất cứ một chức vụ điều hành nào tại các tổ chức kinh tế khác.

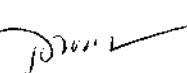
Chữ ký các TV.HQĐT (CB. Sáng lập)


Ông. Bùi Thế Kích


Ông. Vũ Đức Dũng


Ông. Vũ Đình Hải


Ông. Vũ Việt Hà


Ông. Ng. Th. Hoài

Điều 40: CHỨC NĂNG VÀ NHIỆM VỤ CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Điều hành và chịu trách nhiệm về mọi hoạt động sản xuất - kinh doanh của Công ty theo Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Công ty và tuân thủ pháp luật;
2. Bảo toàn và phát triển vốn thực hiện theo phương án kinh doanh đã được HĐQT phê duyệt và thông qua Đại hội đồng cổ đông;
3. Xây dựng và trình HĐQT, kế hoạch dài hạn và kế hoạch hàng năm;
4. Quyết định giá mua, giá bán nguyên liệu, sản phẩm (trừ những sản phẩm, dịch vụ do Nhà nước quy định);
5. Quyết định các biện pháp tuyên truyền quảng cáo, tiếp thị, các biện pháp khuyến khích mở rộng sản xuất;
6. Đề nghị HĐQT bổ nhiệm và miễn nhiệm, khen thưởng kỷ luật các chức danh: Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc điều hành, Kế toán trưởng;
7. Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng kỷ luật đối với các chức danh quản lý khác, các cán bộ công nhân viên dưới quyền;
8. Ký kết và triển khai thực hiện các hợp đồng kinh tế, dân sự, lao động theo luật định; đối với một số hợp đồng theo quy định tại Điều 120 Luật doanh nghiệp, thì phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc HĐQT chấp thuận mới được ký kết;
9. Báo cáo trước HĐQT tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty;
10. Đại diện Công ty trong quá trình tố tụng các vụ án có liên quan đến Công ty.

Điều 41: QUYỀN HẠN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC


1. Tổng Giám đốc là người có quyền quyết định cao nhất về điều hành của Công ty;
2. Từ chối thực hiện những quyết định của HĐQT nếu thấy rõ ràng là trái Pháp luật, trái Điều lệ và trái Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; đồng thời, phải có trách nhiệm thông báo ngay cho Ban kiểm soát;
3. Tuyển dụng, thuê mướn và bố trí sử dụng lao động theo quy định của HĐQT, khen thưởng, kỷ luật hoặc cho thôi việc đối với người lao động phù hợp với qui định của Luật lao động; Quyết định lương và phụ cấp (nếu có) đối với người lao động trong Công ty, kể cả cán bộ quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc;
4. Tổ chức thực hiện các quyết định của HĐQT; tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty; kiến nghị phương án bố trí cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty;
5. Được quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong những trường hợp khẩn cấp như : Thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, sự cố và chịu trách nhiệm về các quyết định này, đồng thời báo cáo ngay cho HĐQT;
6. Chịu trách nhiệm trước HĐQT, Đại hội đồng cổ đông và pháp luật về những quyết định của mình trong hoạt động quản lý, điều hành Công ty;
7. Ký ban hành các văn bản qui phạm điều hành nội bộ thuộc thẩm quyền của Tổng Giám đốc;
8. Có các quyền và thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của HĐQT.


Chữ ký các TV.HĐQT (CB. Sáng lập)


 Ông. Bùi Thế Kích


 Ông. Vũ Đức Dũng


 Ông. Vũ Đình Hải


 Ông. Vũ Việt Hà


 Ông. Ng. Th. Hoài

Điều 42: ỦY QUYỀN VÀ ỦY NHIỆM

1. Tổng Giám đốc Công ty có thể ủy quyền, ủy nhiệm cho các Phó Tổng Giám đốc hoặc người khác thay mặt mình giải quyết một số công việc của Công ty và chịu trách nhiệm pháp lý trước sự ủy quyền, ủy nhiệm của mình.
2. Người được Tổng Giám đốc ủy quyền, ủy nhiệm phải chịu trách nhiệm pháp lý trước Tổng Giám đốc và trước Pháp luật về những công việc mình làm.
3. Mọi sự ủy quyền, ủy nhiệm có liên quan tới con dấu Công ty đều phải thực hiện bằng văn bản.

Điều 43: TỪ NHIỆM VÀ ĐƯƠNG NHIÊN BỊ MIỄN NHIỆM

1. Khi Tổng Giám đốc muốn từ nhiệm phải có đơn gửi HĐQT. HĐQT xem xét và quyết định trong thời gian 60 ngày kể từ ngày nhận được đơn.
2. Tổng Giám đốc đương nhiên bị miễn nhiệm khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:
 - Chết, mất trí, mất quyền công dân;
 - Tự ý bỏ nhiệm sở hoặc không thực hiện nhiệm vụ của Tổng Giám đốc trong 6 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - Thuộc các trường hợp qui định tại Khoản 2, Điều 13 Luật Doanh nghiệp.
3. Trường hợp Tổng Giám đốc bị miễn nhiệm, HĐQT phải cử người để thay thế.
HĐQT phải tiến hành các thủ tục để bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới trong thời hạn tối đa 30 ngày.

Mục 4**BAN KIỂM SOÁT****Điều 44: BAN KIỂM SOÁT**

1. Là tổ chức thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty.
2. Ban Kiểm soát gồm 03 (ba) thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu và bãi nhiệm, miễn nhiệm với đa số phiếu bầu bằng hình thức biểu quyết công khai hoặc bỏ phiếu kín.
3. Ban Kiểm soát tự đề cử một thành viên làm Trưởng Ban Kiểm soát.

Điều 45: TIÊU CHUẨN LỰA CHỌN THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Được đề cử vào ban kiểm soát phải là người có các điều kiện sau:

1. Từ 21 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
2. Có trình độ, am hiểu kiến thức hoạt động của Công ty, trong đó có thành viên hiểu biết về tài chính - kế toán.
3. Nếu cổ đông Nhà nước không cử người đại diện phần vốn của Nhà nước ứng cử vào HĐQT thì có thể cử người đó ứng cử vào Ban Kiểm soát.

Chữ ký các TV.HĐQT (CD. Sáng lập)

 Ông. Bùi Thế Kích
  Ông. Vũ Đức Dũng
  Ông. Vũ Đình Hải
  Ông. Vũ Việt Hà
  Ông. Ng. Th. Hoài

4. Thành viên Ban kiểm soát không được giữ các chức vụ quản lý trong Công ty như là: thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty; không phải là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty.
5. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty.

Điều 46: NHIỆM KỶ BAN KIỂM SOÁT

1. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát cùng nhiệm kỳ với HĐQT và kéo dài thêm 90 ngày để giải quyết các công việc tồn đọng khi chưa bầu được Ban kiểm soát mới.
2. Trong nhiệm kỳ nếu khuyết Thành viên Ban kiểm soát thì Đại hội đồng cổ đông gần nhất phải bầu thay thế theo thể thức biểu quyết công khai hay bỏ phiếu.

Điều 47: TỪ CHỨC, TỪ NHIỆM VÀ MIỄN NHIỆM THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

1. Trưởng Ban kiểm soát muốn từ chức, Thành viên Ban kiểm soát từ nhiệm đều phải làm đơn gửi cho HĐQT để thông qua Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc bất thường (nếu có).
2. Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm khi vi phạm một trong các trường hợp như đối với thành viên HĐQT.
3. Trường hợp khuyết chức danh Trưởng Ban kiểm soát thì số Thành viên Ban kiểm soát còn lại cử người thay thế.
4. Trường hợp khuyết Thành viên Ban kiểm soát có nghiệp vụ về Tài chính kế toán, HĐQT phải cử người thay thế cho đến khi triệu tập Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung.

Điều 48: NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Trưởng BKS có trách nhiệm phân công cho thành viên BKS phụ trách từng loại công việc.
2. Ban kiểm soát có các quyền và nhiệm vụ sau đây:
 - 2.1. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong ghi chép sổ kế toán và báo cáo tài chính.
 - 2.2. Thẩm định báo cáo tài chính hàng năm của Công ty; kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của ĐHCĐ, theo yêu cầu của cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 19 của Điều lệ này;
 - 2.3. Thường xuyên thông báo với Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động; tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình các báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;
 - 2.4. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực, hợp pháp của việc ghi chép, lưu giữ chứng từ và lập sổ kế toán, báo cáo tài chính, các báo cáo khác của Công ty; tính trung thực, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;
 - 2.5. Kiến nghị biện pháp bổ sung, sửa đổi, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;
 - 2.6. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

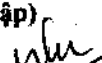
Việc kiểm tra quy định tại các điểm 2.1 và 2.2 khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn trong điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty.

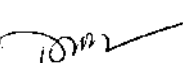
Chữ ký các TV.HĐQT (CB. Sáng lập)


Ông. Bùi Thế Kích


Ông. Vũ Đức Dũng


Ông. Vũ Đình Hải


Ông. Vũ Việt Hà


Ông. Ng. Th. Hoài

3. Trưởng Ban Kiểm soát có quyền và nhiệm vụ sau :

- Tham dự các cuộc họp HĐQT, phát biểu ý kiến và có những kiến nghị nhưng không tham gia biểu quyết. Nếu có ý kiến khác với HĐQT thì có quyền yêu cầu ghi ý kiến của mình vào biên bản phiên họp và được trực tiếp báo cáo trước Đại hội cổ đông gần nhất.
- Trưởng Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu HĐQT họp phiên bất thường hoặc yêu cầu HĐQT triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quyết định của Ban Kiểm soát.
- Để thi hành nhiệm vụ của mình, Trưởng Ban Kiểm soát có quyền ban hành các văn bản theo thẩm quyền của Trưởng ban hoặc theo quyết định của Ban kiểm soát.
- Có quyền và nhiệm vụ khác theo qui định của pháp luật, của Điều lệ này và theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Mục 5

QUYỀN LỢI CỦA HĐQT, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Điều 49: THÙ LAO, TIỀN LƯƠNG VÀ CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG

1. Thù lao cho HĐQT, Ban kiểm soát, Ban quản lý cổ phiếu, Thư ký HĐQT và tiền thưởng cho Ban Giám đốc, HĐQT, Ban kiểm soát, Ban quản lý cổ phiếu, Thư ký HĐQT hàng năm có mức chi tối đa bằng 10% lợi nhuận sau thuế. Mức chi cụ thể của từng thành viên do HĐQT quyết định.
2. HĐQT quyết định mức lương hàng tháng cho Tổng Giám đốc và các chức danh do HĐQT bổ nhiệm.
3. Thù lao, tiền lương, thưởng và mọi chi phí hoạt động của HĐQT, Ban kiểm soát, Ban giám đốc được tính vào chi phí quản lý Công ty theo quy định và phải thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm để báo cáo tại ĐHCĐ thường niên.

Chương 5

CÁC CHẾ ĐỘ VỀ LAO ĐỘNG VÀ QUYỀN LỢI CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG


Điều 50: CHẾ ĐỘ VÀ QUYỀN LỢI CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG

1. Chế độ tuyển dụng lao động và trả lương thực hiện theo chế độ hợp đồng lao động giữa Tổng Giám đốc (hoặc người được Tổng Giám đốc ủy quyền) và người lao động phù hợp với quy định của pháp luật.
2. Chế độ và quyền lợi của người lao động làm việc tại Công ty:


Các chế độ, quyền lợi của người lao động làm việc cho CTCP Tổng Công ty May Đồng Nai căn cứ theo thỏa thuận trong Hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể, các nội quy, quy chế của Công ty và căn cứ theo quy định của pháp luật lao động.


Chữ ký các TV.HĐQT (CB. Sáng lập)


Ông. Bùi Thế Kịch


Ông. Vũ Đức Dũng


Ông. Vũ Đình Hải


Ông. Vũ Việt Hà


Ông. Ng. Th. Hoài

Chương 6

HẠCH TOÁN, PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN VÀ LẬP QUỸ

Điều 51: HẠCH TOÁN

1. Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm đó.
2. Công ty thực hiện việc hạch toán kế toán theo đúng pháp luật về kế toán thống kê hiện hành.
3. Cuối mỗi năm tài chính HĐQT xem xét, thông qua quyết toán để trình Đại hội đồng cổ đông:
 - Bảng cân đối kế toán của Công ty;
 - Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh;
 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
 - Thuyết minh báo cáo tài chính;
 - Báo cáo tổng hợp kiểm kê tài sản cuối niên độ.

Các bản báo cáo này phải được gửi đến các thành viên HĐQT, Thành viên Ban kiểm soát ít nhất trước 15 ngày của kỳ Đại hội thường niên.
4. Sau Đại hội, các văn bản, biên bản Đại hội đồng cổ đông và tất cả các chứng từ có liên quan phải được lưu giữ tại Văn phòng Công ty theo luật định.

Điều 52: LỢI NHUẬN, PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN VÀ TRÍCH LẬP QUỸ


1. Theo các quy định về chế độ tài chính do Nhà nước ban hành với các Công ty cổ phần, lợi nhuận của Công ty gồm:
 - Lợi nhuận chung = Tổng thu nhập - Tổng chi phí.
 - Lợi nhuận ròng = Lợi nhuận chung - Thuế.
2. Hàng năm, trước khi phân chia cổ tức cho các cổ đông Công ty phải trích lập các quỹ:
 - 2.1. Quỹ dự trữ bắt buộc ít nhất bằng 10 % (Mười phần trăm) lợi nhuận ròng để bổ sung vốn điều lệ và để dự trữ tài chính cho năm sau cho đến mức bằng 35 % (Ba mươi lăm phần trăm) vốn điều lệ.
 - 2.2. Các quỹ khác hàng năm do HĐQT dự kiến trình Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định, trên cơ sở các chỉ tiêu trích quỹ sau:
 - Quỹ đầu tư phát triển tối đa : 20 % (Hai mươi phần trăm) / lợi nhuận ròng;
 - Quỹ khen thưởng tối đa : 15 % (Mười lăm phần trăm) / lợi nhuận ròng;
 - Quỹ phúc lợi tối đa : 10 % (Mười phần trăm) / lợi nhuận ròng.
3. Các quỹ không hình thành từ lợi nhuận, mức trích hàng năm do HĐQT quyết định căn cứ theo khả năng tài chính của Công ty và các qui định của Nhà nước.


Chữ ký các TV.HĐQT (CB. Sáng lập)


Ô. Bùi Thế Kích


Ô. Vũ Đức Dũng


Ô. Vũ Đình Hải


Ô. Vũ Việt Hà


Ô. Ng. Th. Hoài

4. HĐQT có trách nhiệm xây dựng quy chế phân phối lợi nhuận và sử dụng các quỹ để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua cho từng năm.
5. Số cổ tức được chia cho các cổ đông theo phần vốn góp khi Công ty kinh doanh có lãi. Tùy tình hình đặc điểm kinh doanh cho phép, HĐQT có thể *quyết định* tạm ứng cổ tức cho các cổ đông theo từng thời hạn Quý hoặc sáu tháng.

Điều 53: XỬ LÝ KINH DOANH KHI THUA LỖ

Trường hợp kinh doanh thua lỗ, Đại hội đồng cổ đông có thể quyết định giải quyết kịp thời theo các giải pháp:

- Trích từ quỹ dự trữ để bù lỗ;
- Chuyển một phần lỗ sang năm sau, thời hạn chuyển lỗ tối đa là 3 năm; đồng thời, Đại hội đồng cổ đông phải quyết định các biện pháp để khắc phục.

Chương 7

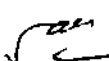
GIẢI THỂ, THANH LÝ VÀ TRANH TỤNG

ĐIỀU 54: GIẢI THỂ


1. Công ty giải thể trong các trường hợp sau:
 - 1.1. Theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông;
 - 1.2. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh bị thu hồi;
 - 1.3. Các trường hợp khác theo qui định Pháp luật.
2. Trường hợp Công ty bị lỗ đến 3/4 vốn điều lệ, mọi cổ đông đều có quyền yêu cầu HĐQT triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường để quyết định việc giải thể Công ty;
3. Khi có lý do chính đáng HĐQT có quyền đề nghị để Đại hội đồng cổ đông bất thường quyết định giải thể Công ty;
4. Trong thời hạn 7 ngày kể từ ngày được thông qua, Quyết định Giải thể phải được gửi đến cơ quan Đăng ký kinh doanh, các chủ nợ (kèm theo phương án giải quyết nợ), người có quyền, nghĩa vụ và lợi ích liên quan, người lao động trong doanh nghiệp. Quyết định giải thể phải được niêm yết công khai tại trụ sở chính của Doanh nghiệp và đăng báo địa phương hoặc báo ngày trung ương 3 số liên tiếp.
5. Quyết định giải thể Công ty phải có các nội dung chủ yếu sau:
 - Tên, trụ sở Công ty;
 - Lý do giải thể;
 - Thời hạn, thủ tục thanh lý hợp đồng và thanh toán các khoản nợ của Công ty; thời hạn thanh toán nợ, thanh lý hợp đồng không được vượt quá 6 tháng, kể từ ngày thông báo việc giải thể;
 - Phương án xử lý các nghĩa vụ phát sinh từ Hợp đồng-lao động;
 - Thành lập Ban thanh lý tài sản, quyền và nhiệm vụ của Ban thanh lý tài sản;
 - Chữ ký của Người đại diện theo Pháp luật của Công ty.

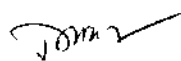
Chữ ký các TV.HĐQT (CD. Sáng lập)


Ông. Bùi Thế Kích


Ông. Vũ Đức Dũng


Ông. Vũ Đình Hải


Ông. Vũ Việt Hà.


Ông. Ng. Th. Hoài

ĐIỀU 55: THANH LÝ

1. Kể từ ngày thông qua Quyết định giải thể, Công ty ngưng mọi hoạt động kinh doanh, Ban thanh lý thay thế HĐQT để cùng Ban Kiểm soát làm nhiệm vụ thanh lý Công ty, thực hiện phương án giải thể theo thời gian quy định và theo thể lệ tài chính hiện hành.
2. Trong thời gian thanh lý, khi xét thấy cần thiết, Ban thanh lý hoặc Ban Kiểm soát có quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông để quyết định về những vấn đề liên quan.
3. Ban thanh lý phải thực hiện hoàn tất phương án giải thể, thanh lý tài sản Công ty chậm nhất 5 tháng sau khi được thành lập.
4. Trường hợp Công ty bị thu hồi Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh, Công ty phải giải thể trong vòng 6 tháng kể từ ngày bị thu hồi.

ĐIỀU 56: NGUYÊN TẮC GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

1. Tranh chấp nội bộ Công ty là những tranh chấp liên quan đến việc thành lập, hoạt động, giải thể Công ty, giữa Công ty với các cổ đông và giữa các cổ đông với nhau.
2. Nguyên tắc giải quyết là thông qua thương lượng, hòa giải
3. Hội Đồng Quản Trị hòa giải các tranh chấp giữa cổ đông với nhau
Ban Kiểm Soát hòa giải các tranh chấp giữa cổ đông với Công ty, giữa các cổ đông là thành viên Hội Đồng Quản Trị với nhau và với Công ty.
4. Quá 30 ngày nếu sự việc tranh chấp không được hòa giải hoặc việc hòa giải không thành, các bên tranh chấp có quyền đưa vụ việc ra Tòa kinh tế Tòa án Nhân dân Tỉnh giải quyết.

Chương 8**ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG VÀ CÁC QUY ĐỊNH KHÁC****ĐIỀU 57: HIỆU LỰC CỦA ĐIỀU LỆ**

Điều lệ này có hiệu lực ngay khi đại hội thông qua và được đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh của địa phương Công ty đặt trụ sở chính theo quy định.


Những vấn đề liên quan đến cơ cấu tổ chức, quản lý, hoạt động của Công ty không được đề cập trong Bản Điều lệ này sẽ do Luật Doanh nghiệp và các văn bản Pháp luật liên quan điều chỉnh hoặc do Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định.

ĐIỀU 58: SỬA ĐỔI BỔ SUNG ĐIỀU LỆ


1. Điều lệ này có thể sửa đổi bổ sung theo Nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông
2. Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% vốn điều lệ trở lên có quyền kiến nghị việc sửa đổi bổ sung Điều lệ.
3. Đại Hội Đồng Cổ Đông ra Nghị quyết thông qua các Điều khoản sửa đổi bổ sung Điều lệ khi có sự biểu quyết chấp thuận của ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết hợp lệ.
4. Các Điều khoản sửa đổi bổ sung phải đăng ký với cơ quan Đăng ký kinh doanh.

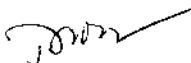
Chữ ký các TV, HĐQT (CB. Sáng lập)


Ông. Bùi Thế Kịch


Ông. Vũ Đức Dũng


Ông. Vũ Đình Hải


Ông. Vũ Việt Hà


Ông. Ng. Th. Hoài

ĐIỀU 59: NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

1. Người đại diện theo Pháp luật của Công ty là Tổng Giám đốc Công ty.
2. Khi có sự thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty phải công bố thông tin về: Họ tên, năm sinh, trình độ, số Chứng minh nhân dân, địa chỉ thường trú, chữ ký ... cho cổ đông và các đơn vị liên quan biết; đồng thời, đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật với cơ quan đăng ký kinh doanh theo qui định.

ĐIỀU 60: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH






1. Toàn văn Bản Điều lệ này gồm 8 Chương, 60 Điều đã được các cổ đông biểu quyết thông qua tại Đại Hội Đồng Cổ Đông thành lập Công ty ngày 13/8/2001; được sửa đổi, bổ sung tại Đại hội đồng cổ đông nhiệm kỳ II (2007 - 2011) ngày 16/6/2007 và Đại hội đồng cổ đông nhiệm kỳ III (2012 - 2016) ngày 02/4/2012; đã được các thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban kiểm soát đọc lại toàn văn, xác nhận đúng nội dung đã thông qua.
2. Điều lệ này được lập thành 09 bản có giá trị như nhau, trong đó: 01 bản đăng ký tại cơ quan đăng ký kinh doanh, 01 bản nộp cho Tập đoàn Dệt May Việt Nam; 05 bản giao cho các thành viên HĐQT, 01 bản giao Ban kiểm soát, 01 bản lưu tại trụ sở Công ty.


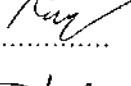
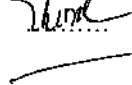
Mọi bản sao, trích sao phải được Tổng Giám đốc Công ty ký tên, đóng dấu mới có giá trị pháp lý.

Làm tại Tp. BIÊN HÒA, T. ĐÔNG NAI, ngày 02 tháng 4 năm 2012

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
(Ký tên và ghi rõ họ tên)

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT
(Ký tên và ghi rõ họ tên)

1. Ông BÙI THÊ KÍCH 
2. Ông VŨ ĐỨC DŨNG 
3. Ông NGUYỄN THANH HOÀI 
4. Ông VŨ ĐÌNH HẢI 
5. Ông VŨ VIỆT HÀ 

1. Ông PHẠM XUÂN TÂM 
2. Ông PHẠM HỮU ÚY 
3. Bà VŨ LAN THƯƠNG 

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
TỔNG GIÁM ĐỐC

(Ký tên và ghi rõ họ tên, đóng dấu Công ty)



BÙI THÊ KÍCH